

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **43/2022/TLST-HNGĐ**.

Ngày 27/9/2022.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Ngọc.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Y Yao Bkrông.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Nguyệt, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2022, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 162/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/HNGĐ-ST ngày 19/8/2022 và quyết định hoãn phiên toà số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thu N. Sinh năm: 1996. Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quang T. Sinh năm: 1995. Địa chỉ: Thôn 6A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thu N trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Quang T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 28/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, , từ khi tôi có bầu và sinh cháu Nguyễn Cao Bảo Th, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính cách, lối sống, nên thường xảy ra xô xát, va chạm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chồng tôi là anh T thường xuyên dùng lời lẽ khó nghe xúc phạm tôi và gia đình tôi, chửi bới nhiếc móc tôi, anh T còn hành hung và đánh đập tôi, dùng vũ lực với tôi, khi con gái của chúng tôi được 1 năm 1 tháng tuổi, khi vợ chồng tôi đang đi làm dưới Bình Dương, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà chồng tôi cầm dao rượt tôi chạy quanh xóm trọ, sau đó giữa đêm khuya vắng đuổi tôi ra khỏi nhà, mặc dù tôi không đồng ý đi, nhưng anh T xúc phạm tôi rất nặng nề, nên buộc tôi phải xếp đồ ra đi, một thân một mình dưới Bình Dương, có sự giúp đỡ của bạn bè tôi tôi mới về được nhà bố mẹ đẻ, từ đó tới nay, khi tôi liên lạc với anh T, thì anh nói chuyện rất khó nghe, dùng từ xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm của tôi, tôi có xin xuống thăm con vài lần nhưng anh T không đồng ý, ngoài ra còn rất nhiều sự việc mâu thuẫn khác, khi tôi hỏi anh T về các tài liệu để làm đơn ly hôn thì anh T có lời lẽ thách thức tôi lấy được

các giấy tờ để làm thủ tục khởi kiện. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Cao Bảo Th sinh ngày 06/10/2017. Vì hiện nay cháu Th đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Th, nên sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng giao con Nguyễn Cao bảo Th sinh ngày 06/10/2017 cho anh Nguyễn Quang T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang T, quá trình làm việc nhiều lần Tòa án triệu tập ông T lên làm việc để giải quyết vụ án nhưng ông T không chấp hành hợp tác làm việc để giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, Toà án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên toà xét xử vụ án, bị đơn ông Nguyễn Quang T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Thu N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quang T.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Eakar:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thu N, bà Lê Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Về con chung: Theo yêu cầu của phía nguyên đơn và hiện nay cháu Nguyễn Cao Bảo Th đang do ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu

Nguyễn Cao Bảo Th, nên đề nghị HĐXX xem xét giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Về trợ cấp nuôi dưỡng con chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận nên không đưa ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên HĐXX xét thấy:

[1] **Về tố tụng:** Bà Lê Thị Thu N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Quang T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lần thứ 2 đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị Thu N và ông Nguyễn Quang T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về tính cách, lối sống, dẫn đến cãi vã xô xát, không tìm được tiếng nói chung, bà N và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay, việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng được ông Nguyễn Quang T là bố đẻ ông T xác nhận, hiện nay mỗi người đều đã có một cuộc sống riêng, không còn tình cảm và quan tâm chăm sóc nhau. Trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập ông T đến Tòa án làm việc cũng như tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập đến lần thứ 2 nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có lý do, vì vậy ông T phải chịu hậu quả về việc vắng mặt của mình.

Như vậy qua phân tích nhận định trên xác định nguyên nhân mâu thuẫn bà N trình bày là có căn cứ. Xét thấy hiện nay, mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thu N.

[2.2] **Về con chung:** Trong thời gian sống chung bà Lê Thị Thu N và ông Nguyễn Quang T có 01 con chung là cháu Nguyễn Cao Bảo Th sinh ngày 06/10/2017. Xét thấy hiện nay ông T đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, bà N cũng có nguyện vọng giao con chung cho ông T nuôi

dưỡng chăm sóc cho đến khi con trưởng thành, nên cần giao con chung cho ông Nguyễn Quang T nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Bà Lê Thị Thu N được quyền đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tuy nhiên, bà N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân & Gia đình.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thu N.

Tuyên xử:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

* **Về con chung:** Giao cho ông Nguyễn Quang T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Cao Bảo Th sinh ngày 06/10/2017 cho đến khi con trưởng thành (Trên 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Bà Lê Thị Thu N được quyền đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tuy nhiên, bà N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

* **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

2/ Về án phí: Bà Lê Thị Thu N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 60AA/2021/0006008 ngày 12/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Ngọc